

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 4 -2019

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Hà Trọng Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1092/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Mỹ D, sinh năm 1970 (Có mặt)

ĐKNKTT: Số 81, đường L, khóm B, phường M, thành phố C, tỉnh C.

Tạm trú: Số 115, khóm H, phường M, Tp. C, tỉnh C.

- Bị đơn: Anh Lâm Hoàng B, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

ĐKNKTT: Số 81, đường L, khóm B, phường M, thành phố C, tỉnh C.

Tạm trú: Số 115, khóm H, phường M, Tp. C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Chị Lê Mỹ D và anh Lâm Hoàng B sống chung như vợ chồng từ năm 1993, đến năm 2017 thì đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống theo chị D cho rằng anh B có người phụ nữ khác, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lâm Hoàng B. Đối với anh Lâm Hoàng B thừa nhận quá trình chung sống cũng có xảy ra mâu thuẫn vì vậy chị D yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung, về nợ chung: Chị D, anh Hoàng B xác định không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị D xác định đã tự thỏa thuận với anh Lâm Hoàng B, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh Lâm Hoàng B thì xác định tài sản chung có tranh chấp nên yêu cầu phân chia các loại tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BD 520631 do UBND Tp. Cà Mau cấp ngày 24/3/2011 diện tích 94,5m² tọa lạc tại Phường 1, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 3000.000.000đ

2. Quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền số BG 210637 do UBND TP. Cà Mau cấp ngày 04/8/2011 diện tích 117m² tọa lạc tại nhà không số, đường Ngô Quyền, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 12000.000.000đ.
3. Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CB 708635 do UBND Tp. Cà Mau cấp ngày 11/11/2015 diện tích 189m² tọa lạc tại Phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 5000.000.000đ.
4. Quyền sử dụng đất số BB 537389 UBND Tp. Cà Mau cấp ngày 30/3/2010 diện tích 94,5m² tọa lạc tại Phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 3.000.000.000đ.
5. Quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất số CB 705978 UBND Tp. Cà Mau cấp ngày 22/9/2015, diện tích 94,5m², tọa lạc tại Phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 3.000.000.000đ.
6. Quyền sử dụng đất số AM 413623 UBND Tp. Cà Mau cấp ngày 27/3/2008 diện tích 117m² tọa lạc tại Phường 1, Tp. Cà Mau trị giá khoảng 3.000.000.000đ.
7. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BD 500532 do UBND Tp. Cà Mau cấp ngày 05/01/2001, diện tích 94,5m² tọa lạc tại Phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 3.000.000.000đ.
8. Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số 5901010158 do UBND Tp. Cà Mau cấp ngày 08/10/2001, đăng ký thay đổi ngày 05/11/2002 diện tích 145,31m² tọa lạc tại số 30, Lý Văn Lâm, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 3.200.000.000đ.
9. Quyền sử dụng đất và nhà ở căn cứ theo bản hợp đồng (Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở) do UBND Phường 1, Tp. Cà Mau xác nhận ngày 13/9/2000 diện tích 35,60m² tọa lạc tại số 81, Lý Văn Lâm, Phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau trị giá khoảng 2.900.000.000đ.
10. Xe ô tô biển số 69C-021.54, loại xe ô tô tải trị giá khoảng 400.000.000đ.
11. Xe ô tô biển số 69C-033.93, loại xe ô tô tải trị giá khoảng 300.000.000đ.
12. Xe ô tô biển số 69C-018.34, loại xe tải pickup cabin kép trị giá khoảng 750.000.000đ.
13. Xe ô tô biển số 69A-006.96, loại xe ô tô con 7 chỗ trị giá khoảng 1.100.000.000đ.
14. Xe ô tô biển số 69C-008.44, loại xe ô tô tải trị giá khoảng 550.000.000đ.
15. Xe mô tô biển số 69K5-6776, hiệu xe AIR BLADE trị giá khoảng 50.000.000đ
16. Xe mô tô biển số 69F1-7215, hiệu xe DREAM trị giá khoảng 25.000.000đ
17. Xe mô tô hiệu SH, biển số 69K3-6776 trị giá khoảng 250.000.000đ
18. Xe mô tô hiệu HONDA, biển số 69C1-414.30, giá trị khoảng 15.000.000đ.
19. Xe mô tô hiệu BICB, biển số 69K7-1421, trị giá khoảng 15.000.000đ.
20. Hàng vật liệu xây dựng hiện nay nằm tại kho và trưng bày khoảng 3.000.000.000đ.
21. Tiền hụi, vàng, hột xoàn và vật dụng khác có giá trị lớn khoảng 1.500.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung khoảng 46.065.000.000đ.

Ngoài ra anh Hoàng B cũng thừa nhận có ký văn bản cam kết về tài sản ngày 27/10/2018 và văn bản thỏa thuận phân chia tài sản ngày 24/10/2018. Tuy nhiên anh Hoàng B cho rằng việc thỏa thuận này có nhầm lẫn vì anh nghĩ rằng thỏa thuận chia cho anh 10 tỷ nên anh mới ký vào văn bản thỏa thuận, nay xác định chia anh 7 tỷ thì anh không đồng ý nên anh có đơn yêu cầu được chia đôi tài sản chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ D đối với anh Lâm Hoàng B được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Lâm Hoàng B nhiều lần nhưng anh Hoàng B vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lâm Hoàng B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện của chị Lê Mỹ D thấy rằng, chị D và anh Hoàng B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố C, tỉnh C vào ngày 17/01/2017 nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét mâu thuẫn giữa chị D và anh Hoàng B là có xảy ra trên thực tế, điều này cũng được cả chị D và anh Hoàng B thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của chị D và anh Hoàng B đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được hiện chị D, anh Hoàng B đã thống nhất thuận tình ly hôn trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh, chị ly hôn.

[3] Về con chung. Nợ chung: Chị D và anh Hoàng B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định đã thỏa thuận được với anh Hoàng B, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với anh Lâm Hoàng B xác định ngày 27/10/2018 đã có văn bản cam kết về tài sản và văn bản thỏa thuận phân chia tài sản nhưng anh cho rằng việc thỏa thuận này là nhầm lẫn nên có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết lại về việc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tòa án có Thông báo cho anh Hoàng B nộp tiền tạm ứng án phí, tuy nhiên hết thời hạn quy định, anh Hoàng B vẫn không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án theo quy định, đồng thời anh Hoàng B cũng vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập đến làm việc liên quan đến việc anh không nộp biên lai tạm ứng án phí cho Tòa án và trả lại đơn yêu cầu cho anh theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Lâm Hoàng B, nếu sau này anh Hoàng B và chị D có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 36, 147, 227, 192 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Mỹ D và anh Lâm Hoàng B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tách ra chưa xem xét đối với yêu cầu chia tài sản chung của anh Lâm Hoàng B nếu sau này anh Hoàng B và chị D có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị D phải nộp. Chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001598 vào ngày 08/11/2018, được đối trừ, chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Cà Mau;
- Cục Thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTPCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Xuân Trúc

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 12 tháng 4 năm 2019.

Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Xuân Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến

Ông Hà Trọng Tâm

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1092/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, về việc xin ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Mỹ D, sinh năm 1970 (Có mặt)

ĐKNKTT: Số 81, đường Lý Văn Lâm, khóm 3, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Số 115, Ngô Quyền, khóm 2, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lâm Hoàng B, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

ĐKNKTT: Số 81, đường Lý Văn Lâm, khóm 3, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Số 115, Ngô Quyền, khóm 2, phường 1, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật,

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ các Điều 28, 36, 147, 227, 192 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Mỹ D và anh Lâm Hoàng B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, chị D phải nộp. Chị D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0001598 vào ngày 08/11/2018, được đối trừ, chị D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày 12 tháng 4 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TOÀ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN**

Trịnh Xuân Trúc

